

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 21/3/2018

V/v Tranh chấp “ Chia tài sản
chung vợ chồng sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Lại Vĩnh Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Việt Nga- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLPT- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “ Chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Năm, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Hùng, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cụ Bùi Văn Cốc, sinh năm 1931

3.2. Cụ Dương Thị Thanh (Chanh), sinh năm 1931

Cụ Cốc và cụ Thanh đề nghị xét xử vắng mặt

3.3. Anh Bùi Văn Hải, sinh năm 1989,

3.4. Chị Bùi Thị Huê, sinh năm 1993,

3.5. Chị Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1991,

Đều trú tại: Thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

3.6. Chị Bùi Thị Hương, sinh năm 1988,

Địa chỉ: Chợ Nga, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

3.7. Chị Bùi Thị Hưng, sinh năm 1990,

Địa chỉ: Thôn Bái Thượng, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Chị Hương, chị Hưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Bà Dương Thị Năm trình bày bà kết hôn với ông Bùi Văn Hùng năm 1987 tổ chức cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới xong bà về gia đình ông Hùng làm dâu ngay, vợ chồng sống chung cùng với gia đình chồng đến năm 1988 thì vợ chồng bà ra ở riêng trên thửa đất số 40, tờ bản đồ số 06 diện tích 450m² tọa lạc tại thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Nguồn gốc thửa đất trên là đất đám mạ của một số hộ gia đình bỏ không, gia đình bà đã tự lấy làm nhà ở. Đến năm 1992 thì Hợp tác xã Thanh Ninh cấp cho vợ chồng bà thửa đất này để làm đất ở.

Khi vợ chồng bà ra ở riêng, bố mẹ chồng có làm cho vợ chồng bà 01 căn nhà 04 gian cấp IV mái lợp ngói, 01 gian bếp và 01 gian công trình phụ. Đến năm 1992 ông bà đã phá toàn bộ gian bếp và công trình phụ để làm lại. Năm 1996 ông bà làm lại nhà và tận dụng lại phần mái ngói của nhà cũ để làm nhà. Ngoài ra ông bà còn làm thêm sân gạch, nhà tắm và mái vẩy lợp tôn. Quá trình chung sống bà và ông Hùng đã có 04 người con chung đều đã trưởng thành.

Năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà Năm đã làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn giải quyết. Ngày 24/5/2016, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị Năm và ông Bùi Văn Hùng. Về tài sản chưa yêu cầu giải quyết.

Do giữa bà và ông Hùng không thống nhất được với nhau về việc chia tài sản chung nên nay bà đề nghị Tòa án giải quyết chia toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng là: 01 mảnh đất thổ cư tại thửa số 40, tờ bản đồ số 06 diện tích 450m² tọa lạc tại thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn và các công trình trên đất theo quy định của pháp luật.

Ông Bùi Văn Hùng trình bày:

Ông và bà Dương Thị Năm về chung sống với nhau từ năm 1987, hai ông bà ở chung cùng với gia đình bố mẹ ông đến năm 1988 thì bố mẹ ông cho hai ông bà ra ở riêng trên thửa đất do bố mẹ ông mua của Hợp tác xã khoảng năm 1985 - 1986 và bố mẹ ông có làm cho vợ chồng ông 01 ngôi nhà cấp IV và khu công trình phụ.

Nay bà Năm yêu cầu Tòa án giải quyết chia khối tài sản là thửa đất hiện ông đang ở và các tài sản tọa lạc trên đất, ông không đồng ý vì toàn bộ khối tài sản này là của bố mẹ ông chứ không phải của ông và bà Năm. Bà Năm không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Bùi Văn Cố và cụ Dương Thị Thanh trình bày:

Năm 1987 ông bà tổ chức lễ cưới cho anh Bùi Văn Hùng và chị Dương Thị Năm. Năm 1988 ông bà cho vợ chồng anh Hùng, chị Năm ra ở riêng trên thửa đất số 40, tờ bản đồ số 06 diện tích 450m² tọa lạc tại thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn do ông bà mua của Hợp tác xã Thanh Ninh. Đồng thời ông bà có làm cho anh Hùng, chị Năm 01 căn nhà 04 gian cấp IV, 01 gian bếp và 01 gian công trình phụ. Quá trình ở thì anh, chị có sửa lại ngôi nhà và làm lại mới khu công trình phụ.

Nay chị Năm yêu cầu Tòa án giải quyết chia toàn bộ khối tài sản trên, quan điểm của ông bà không đồng ý, đề nghị anh Hùng, chị Năm trả lại tài sản cho ông bà.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn Hải, chị Bùi Thị Hương, chị Bùi Thị Hưng, chị Bùi Thị Huệ, chị Nguyễn Thị Trang trình bày:

Các anh chị là con trai, con gái và con dâu của ông Bùi Văn Hùng và bà Dương Thị Năm. Các anh chị đều xác nhận toàn bộ khối tài sản mà mẹ các anh, chị đang yêu cầu Tòa án giải quyết là của bố mẹ anh, chị. Do các anh chị không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản này nên các anh, chị không yêu cầu đề nghị gì đối với khối tài sản này.

*** *Tại Bản án số 55/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã quyết định:***

Căn cứ các Điều 28, 35, 146, 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 213 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 16, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Xử:

1. Xác định toàn bộ khối tài sản gồm: 01 mảnh đất thổ cư diện tích 393m^2 tại thửa số 40, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, 84m^2 nhà cấp IV trần hiên, 16m^2 bếp mái lợp proximi măng, 20m^2 công trình phụ mái lợp ngói, 16m^2 công trình phụ mái lợp proximi măng, 4m^2 nhà tắm, 5m^2 sân giếng và 122m^2 sân gạch tọa lạc trên thửa đất trên có tổng trị giá 323.095.260đ là tài sản chung của ông Bùi Văn Hùng và bà Dương Thị Năm. Chia cụ thể như sau:

a/ Ông Bùi Văn Hùng được quyền quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà cấp IV trần hiên diện tích 67m^2 có trị giá 39.269.097đ và 95m^2 sân gạch có trị giá 1.325.250đ tọa lạc trên phần đất có diện tích $196,5\text{m}^2$ có trị giá 129.690.000đ. Cụ thể ranh giới thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất nhà Thu Tình được giới hạn bởi các điểm 1 và 2 = 10,64m

- Phía Nam giáp đường ngõ được giới hạn bởi các điểm 9 và 10 = 5,75m; 10 và 11 = 2,54m

- Phía Đông giáp đất nhà anh Dũng được giới hạn bởi các điểm 11 và 12 = 14,61m; 12 và 13 = 0,36m; 13 và 14 = 5,47m; 14 và 15 = 0,64m; 15 và 1 = 1,68m

- Phía Tây giáp phần đất bà Năm được giới hạn bởi các điểm 2 và 9 = 21,98m.

Tổng trị giá tài sản ông Bùi Văn Hùng được hưởng là: 170.284.347đ

b/ Bà Dương Thị Năm được quyền quản lý, sử dụng 01 gian nhà mái lợp ngói trần hiên diện tích 17m^2 có trị giá 7.098.450đ, 01 gian bếp diện tích 16m^2 mái lợp proximi măng có trị giá 3.620.800đ, 01 khu công trình phụ diện tích 20m^2 mái lợp ngói có trị giá 1.365.000đ, 01 khu công trình phụ diện tích 16m^2 mái lợp proximi măng có trị giá 1.092.162đ, 01 mái vẩy lợp tôn diện tích 30m^2 có trị giá 9.251.949đ và 01 sân gạch diện tích 27m^2 có trị giá 376.650đ, 01 nhà tắm diện tích 4m^2 có trị giá 281.152đ, 01 sân giếng láng xi măng diện tích 5m^2 có trị giá 34.750đ tọa lạc trên diện tích đất $196,5\text{m}^2$ có trị giá 129.690.000đ. Cụ thể ranh giới thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất nhà Thu Tình được giới hạn bởi các điểm 2 và 3 = 9,70m

- Phía Nam giáp đường ngõ được giới hạn bởi các điểm 7 và 8 = 6,09m, 8 và 9 = 2,06m

- Phía Đông giáp phần đất ông Hùng được giới hạn bởi các điểm 2 và 9 = 21,98m

- Phía Tây giáp đất nhà anh Hà được giới hạn bởi các điểm 3 và 4 = 8,44m; 4 và 5 = 2,34m; 5 và 6 = 4,01m; 6 và 7 = 7,49m.

Tổng trị giá tài sản bà Dương Thị Năm được hưởng là: 152.810.913đ.

2. Bà Dương Thị Năm phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản trên đất cho ông Bùi Văn Hùng tương ứng với số tiền: 1.882.493đ.

3. *Về án phí*: Bà Dương Thị Năm phải nộp 7.640.546 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà được trừ vào số tiền 15.476.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc Sơn biên lai số 04843 ngày 07 tháng 10 năm 2016. Bà được hoàn lại số tiền 7.835.454đ. Ông Bùi Văn Hùng phải nộp 8.514.217 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn quyết định về quyền kháng cáo và thi hành án.

- Ngày 30/9/2017 ông Bùi Văn Hùng kháng cáo không đồng ý chia nhà, đất cho bà Năm vì toàn bộ nhà, đất đó là của bố mẹ ông cho ở nhờ chứ chưa cho vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Bùi Văn Hùng giữ nguyên nội dung kháng cáo; bà Năm không rút yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng*: Đơn kháng cáo của ông Hùng là hợp lệ được chấp nhận để xem xét. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật về tố tụng.

- *Về nội dung*: Quan hệ hôn nhân của bà Năm với ông Hùng đã được Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn giải quyết xong từ năm 2016. Nay bà Năm chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung vợ chồng. Xét quá trình chung sống bà Năm có công sức đóng góp ngang bằng ông Hùng. Các tài liệu đủ để xác định nguồn gốc đất có tranh chấp là do Hợp tác xã Thanh Ninh cấp cho vợ chồng ông Hùng, bà Năm từ trước năm 1992, đến 1993 mới làm biên bản giao đất. Do vậy, bản án của Tòa án sơ thẩm đã xác định và chia là có căn cứ. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Hùng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi có án sơ thẩm, chỉ có ông Hùng kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng hạn nên được chấp nhận để xem xét.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

Bà Dương Thị Năm và ông Bùi Văn Hùng chung sống với nhau từ năm 1987. Quá trình chung sống ông, bà đã có bốn người con chung đều đã trưởng thành. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, bà Năm đã làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án nhân

dân huyện Sóc Sơn giải quyết. Ngày 24/5/2016, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị Năm và ông Bùi Văn Hùng. Về tài sản ông, bà chưa yêu cầu giải quyết.

Do vợ chồng không thỏa thuận được về việc giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng nên ngày 28/6/2016, bà Năm đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn tiếp tục giải quyết việc chia tài sản chung giữa bà và ông Hùng.

Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã thụ lý, giải quyết chia tài sản chung là đúng quy định. Nay ông Hùng kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã chia tài sản đó. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vợ chồng cụ Cố và cụ Thanh, các con của ông Hùng và bà Năm vào tham gia tố tụng là đúng, sau khi có bản án sơ thẩm họ đều không kháng cáo tuy vậy cụ Cố có lời trình bày nhất trí với kháng cáo của ông Hùng, không đồng ý chia nhà đất cho bà Năm.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hùng, nhận thấy:

+ Về đất ở:

- Căn cứ vào hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã Tân Dân năm 1993 thì thửa đất hiện vợ chồng ông Hùng, bà Năm đang ở là thửa số 40, tờ bản đồ số 06 diện tích 450m² tọa lạc tại thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

- Căn cứ vào biên bản xác định nguồn gốc đất của UBND xã Tân Dân đã xác định thửa đất trên được Hợp tác xã Thanh Ninh cấp cho vợ chồng ông Bùi Văn Hùng và bà Dương Thị Năm vào năm 1992.

Mặt khác trong hồ sơ thể hiện “Biên bản giao đất làm thổ cư” năm 1988 ghi rõ giao diện tích 346,5m² cho ông Bùi Văn Hùng, văn bản đề ngày 21/7/1993 có Chủ tịch xã, Chủ nhiệm hợp tác xã, địa chính xã ký đóng dấu (BL 102-103); Tại biên bản xác minh ngày 02/3/2017 ông Vịnh nguyên là cán bộ địa chính xác định đất gia đình ông Hùng đang ở do Hợp tác xã cấp và cung cấp cho Tòa án sổ ghi ngày 20/11/1991 giao đất cho ông Hùng 346,5 m².

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm cụ Bùi Văn Cố và ông Bùi Văn Hùng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thửa đất trên là do vợ chồng cụ Bùi Văn Cố mua của Hợp tác xã Thanh Ninh năm 1983 - 1984. Thực tế ông Hùng, bà Năm sử dụng đất này ổn định từ năm 1988 cho đến nay không có tranh chấp; quá trình sử dụng theo các tài liệu nêu trên còn xây phá bỏ các công trình cũ xây lại các công trình nhà, ở, bếp...như hiện nay đều không có tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh cũng như chính quyền địa phương cung cấp có đủ cơ sở để khẳng định thửa đất số 40, tờ bản đồ số 06 diện tích 450m² (đo thực tế là 393m²) tọa lạc tại thôn Ninh Kiều, xã Tân

Dân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội là tài sản chung của ông Hùng và bà Năm. Mặc dù thửa đất trên chưa được UBND huyện Sóc Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng được chính quyền địa phương xác nhận việc sử dụng đất của ông Hùng, bà Năm là hợp pháp, đất không nằm trong diện quy hoạch, sử dụng ổn định, không tranh chấp nên thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do thửa đất trên xác định là tài sản chung của ông Hùng và bà Năm, bà Năm có công sức ngang bằng với ông Hùng trong việc tạo lập tài sản và nuôi dưỡng con chung nên chia đôi theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện bà Năm và các con của ông Hùng đều đang phải đi ở nhà thuê nên chia tài sản bằng quyền sử dụng đất và hiện trạng xây dựng để đảm bảo chỗ ở cho các đương sự như quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

Nay ông Hùng kháng cáo nhưng không xuất trình được thêm chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hùng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc bà Năm phải thanh toán cho ông Hùng khoản tiền chênh lệch về tài sản và phần thi hành án chia nhà đất nên cần áp dụng quy định về thi hành án trong phần quyết định vì vậy cần bổ sung phần này, do đó cần sửa bản án sơ thẩm.

[3] *Về án phí*: Ông Hùng và bà Năm phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật. Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Hùng không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 213 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 14, Điều 16, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Hùng, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm. Cụ thể:

1. Xác định toàn bộ khối tài sản gồm: 01 mảnh đất thổ cư diện tích 393m² tại thửa số 40, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, 84m² nhà cấp IV trần hiên, 16m² bếp mái lợp proximi măng, 20m² công trình phụ mái lợp ngói, 16m² công trình phụ mái lợp proximi măng, 4m² nhà tắm, 5m² sân giếng và 122m² sân gạch tọa lạc trên thửa đất trên có tổng trị giá 323.095.260đ là tài sản chung của ông Bùi Văn Hùng và bà Dương Thị Năm. Chia cụ thể như sau:

a/ Ông Bùi Văn Hùng được quyền quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà cấp IV trần hiên diện tích 67m² có trị giá 39.269.097đ và 95m² sân gạch có trị giá 1.325.250đ

tọa lạc trên phần đất có diện tích $196,5\text{m}^2$ có trị giá 129.690.000đ. Cụ thể ranh giới thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất nhà Thu Tình được giới hạn bởi các điểm 1 và 2 = 10,64m

- Phía Nam giáp đường ngõ được giới hạn bởi các điểm 9 và 10 = 5,75m; 10 và 11 = 2,54m

- Phía Đông giáp đất nhà anh Dũng được giới hạn bởi các điểm 11 và 12 = 14,61m; 12 và 13 = 0,36m; 13 và 14 = 5,47m; 14 và 15 = 0,64m; 15 và 1 = 1,68m

- Phía Tây giáp phần đất bà Năm được giới hạn bởi các điểm 2 và 9 = 21,98m.

Tổng trị giá tài sản ông Bùi Văn Hùng được hưởng là: 170.284.347đ

b/ Bà Dương Thị Năm được quyền quản lý, sử dụng 01 gian nhà mái lợp ngói trần hiện diện tích 17m^2 có trị giá 7.098.450đ, 01 gian bếp diện tích 16m^2 mái lợp proxy măng có trị giá 3.620.800đ, 01 khu công trình phụ diện tích 20m^2 mái lợp ngói có trị giá 1.365.000đ, 01 khu công trình phụ diện tích 16m^2 mái lợp proxy măng có trị giá 1.092.162đ, 01 mái vẩy lợp tôn diện tích 30m^2 có trị giá 9.251.949đ và 01 sân gạch diện tích 27m^2 có trị giá 376.650đ, 01 nhà tắm diện tích 4m^2 có trị giá 281.152đ, 01 sân giếng láng xi măng diện tích 5m^2 có trị giá 34.750đ tọa lạc trên diện tích đất $196,5\text{m}^2$ có trị giá 129.690.000đ. Cụ thể ranh giới thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đất nhà Thu Tình được giới hạn bởi các điểm 2 và 3 = 9,70m

- Phía Nam giáp đường ngõ được giới hạn bởi các điểm 7 và 8 = 6.09m, 8 và 9 = 2,06m

- Phía Đông giáp phần đất ông Hùng được giới hạn bởi các điểm 2 và 9 = 21,98m

- Phía Tây giáp đất nhà anh Hà được giới hạn bởi các điểm 3 và 4 = 8,44m; 4 và 5 = 2,34m; 5 và 6 = 4,01m; 6 và 7 = 7,49m.

Tổng trị giá tài sản bà Dương Thị Năm được hưởng là: 152.810.913đ.

2. Bà Dương Thị Năm phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản trên đất cho ông Bùi Văn Hùng tương ứng với số tiền: 1.882.493đ.

3. Về án phí: Bà Dương Thị Năm phải nộp 7.640.546 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà được trừ vào số tiền 15.476.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc Sơn biên lai số 04843 ngày 07 tháng 10 năm 2016. Bà được hoàn lại số tiền 7.835.454đ. Ông Bùi Văn Hùng phải nộp 8.514.217 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Hùng không phải chịu án phí phúc thẩm. Xác nhận ông Hùng đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc Sơn biên lai số 0590 ngày 02 tháng 10 năm 2017, số tiền được 300.000 đồng được giữ lại để đối trừ khi thi hành án, nay ông Hùng còn phải nộp 8.214.217 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán và tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Trường hợp Quyết định thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- Tòa án ND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS. huyện Sóc Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Vũ Đông